

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST

Ngày 26 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khải Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T2 - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người được ủy quyền lại: Ông V, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

Địa chỉ Phòng giao dịch: Khu phố 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Lữ Thị M, sinh năm: 1954 (Vắng mặt) và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1940 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, Người được ủy quyền lại của nguyên đơn là ông V trình bày:

Ngày 12/4/2018 bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H, cư ngụ tại thôn N, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vay vốn chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo tại Ngân hàng C theo hợp đồng số 6600000712513436 với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, định kỳ hạn trả gốc là 12 tháng/lần, mỗi lần trả là 10.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/3/2022.

Trong thời gian vay bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H chỉ trả được 10.329.445 đồng tiền lãi và không trả tiền gốc theo đúng thỏa thuận đã ký với ngân hàng.

Tính đến ngày 26/8/2022, bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H còn nợ 57.614.857 đồng tiền gốc và lãi, cụ thể:

+ Tiền nợ gốc quá hạn: 50.000.000 đồng;

+ Tiền nợ lãi: 7.614.857 đồng.

Ngân hàng đã xuống trực tiếp đòi nợ nhưng bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H né tránh, không hợp tác làm việc và cũng không chịu trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi cho Ngân hàng đối với hai món vay nói trên số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2022 là 57.614.857 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc là: 50.000.000 đồng;

- Nợ lãi là: 7.614.857 đồng;

2. Buộc bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H phải tiếp tục chịu lãi và lãi phát sinh cho các món vay theo hợp đồng số 6600000712513436 kể từ thời điểm ngày 27/8/2022 cho đến khi bà M, ông H trả hết số tiền nợ gốc, nợ lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn là bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H: Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay, bà M và ông H vắng mặt mà không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, còn bị đơn thì bà M, ông H không chấp hành. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án và căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà M, ông H.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H phải

hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và lãi đã vay là: 57.617.857 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 50.000.000 đồng; Nợ lãi là: 7.614.857 đồng. Buộc bà Lữ Thị M, ông Nguyễn Văn H phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 27/8/2022 với mức lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà bà M, ông H đã ký với Ngân hàng C cho đến khi thi hành án xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền nợ gốc và lãi đã vay là: 57.614.857 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 50.000.000 đồng; Nợ lãi là: 7.614.857 đồng cho món vay theo hợp đồng tín dụng số 6600000712513436, ngày 12/4/2018. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Nhưng bị đơn là bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bà M và ông H tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà M và ông H vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ, bà M, ông H đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự, cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt bị đơn là bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền đã vay, bao gồm: Nợ gốc và nợ lãi, tính đến ngày 26/8/2022 với số tiền là: 57.614.857 đồng.*

Thấy rằng: Tại hợp đồng tín dụng số 6600000712513436, ngày 12/4/2018 được ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện N, Ninh Thuận và bà Lữ Thị M được xác lập trên tinh thần tự nguyện, không trái đạo đức, không trái pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định: Đây là giao dịch hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

Nguyên đơn là Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Lữ Thị M và ông Nguyễn

Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đã vay và xuất trình cho Tòa án những chứng cứ cụ thể như sau: Sổ vay vốn, Sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay - Thu nợ - Dư nợ, giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay, giấy ủy quyền giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lữ Thị M. Đồng thời, Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C xác định: Tính đến ngày 26/8/2022 là ngày xét xử sơ thẩm thì bà M và ông H còn nợ Ngân hàng số tiền 57.614.857 **đồng**. Bao gồm: Nợ gốc: 50.000.000 đồng và Nợ lãi: 7.614.857 đồng. Do bà M và ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp của mình, Ngân hàng C có quyền khởi kiện để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là bà M và ông H vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ mà Ngân hàng C đã đưa ra. Căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về mức lãi suất cho vay và cách tính lãi: Việc thỏa thuận về mức lãi suất cho vay và cách tính lãi giữa Ngân hàng C và bà M, ông H là phù hợp pháp luật.

[2.3] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc buộc bà M và ông H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi đã được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, bà M, ông H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng với mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi bà M, ông H thi hành án xong.

[3] Về án phí: Bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 227, 271, 273 và 483 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

2. Buộc bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng C số tiền: 57.614.857 **đồng** (Năm mươi bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng).

3. Kể từ ngày 27/8/2022, bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà

các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà bà M, ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

4. Về án phí: Bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H phải chịu: 2.880.742 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông V là người được ủy quyền lại của nguyên đơn. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Lữ Thị M và ông Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND H. N;
- Chi cục THADS H. N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khải Hoàng